



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị marketing

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	01	1	7,5	1	Ccccc	lẻ
2	000002	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	01	2	4,0	1	Cường	chẵn
3	000003	1001030527	Đình Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	01	3	4,3	1	Dũng	lẻ
4	000004	1101031146	Trịnh Hương	An	08/04/2005	QT11A	01	4	4,5	1	An	chẵn
5	000005	1101031429	Lê Hải	Anh	17/08/2005	QT11A	01	5	7,0	1	Anh	lẻ
6	000006	1101030500	Nguyễn Đức Tùng	Bách	02/12/2005	QT11A	01	6	8,8	1	Bách	chẵn
7	000007	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	01	7	5,8	1	Bình	lẻ
8	000008	1101031168	Nguyễn Thắng	Đồng	23/08/2005	QT11A	01	8	7,3	1	Đồng	chẵn
9	000009	1101030519	Nguyễn Anh	Dũng	20/12/2005	QT11A	01	9	5,3	1	Dũng	lẻ
10	000010	1101030538	Đặng Hoàng	Hải	09/05/2005	QT11A	01	10	6,8	1	Hải	chẵn
11	000011	1101030548	Nguyễn Tuấn	Hiệp	15/11/2005	QT11A	01	11	6,8	1	Hiệp	lẻ
12	000012	1101030561	Phùng Tuấn	Hùng	13/09/2005	QT11A	01	12	6,5	1	Hùng	chẵn
13	000013	1101030580	Nguyễn Quốc	Khánh	01/09/2005	QT11A	01	13	5,3	1	Khánh	lẻ
14	000014	1101030581	Đỗ Trung	Kiên	28/04/2005	QT11A	01	14	7,3	1	Kiên	lẻ
15	000015	1101030588	Phan Thị	Liễu	31/12/2004	QT11A	01	15	6,5	1	Liễu	lẻ
16	000016	1101031215	Đình Thế	Minh	04/12/2005	QT11A	01	16	8,3	1	Thế	chẵn
17	000017	1101030638	Nguyễn Thúy	Nga	14/07/2005	QT11A	01	17	6,5	1	Thúy	lẻ
18	000018	1101030660	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/05/2005	QT11A	01	18	7,3	1	Hồng	chẵn
19	000019	1101031366	Lưu Danh	Thái	14/02/2005	QT11A	01	19	5,8	1	Thái	lẻ
20	000020	1101031229	Nguyễn Thị	Thảo	05/05/2005	QT11A	01	20	7,8	1	Thảo	chẵn
21	000021	1101030466	Bùi Thị Ngọc	Anh	30/11/2005	QT11B	02	21	5,5	1	N.Anh	lẻ
22	000022	1101031456	Chu Phương	Anh	28/01/2003	QT11B	02	22	8,8	1	Chu	chẵn
23	000023	1101030496	Nguyễn Ngọc	Ánh	24/12/2005	QT11B	02	23	7,3	1	Anh	lẻ
24	000024	1101030131	Đỗ Thị	Khuyên	28/06/2005	QT11B	02	24	7,8	1	Khuyên	chẵn
25	000025	1101031385	Hoàng Thị Mai	Lan	17/11/2005	QT11B	02	25	7,0	1	Lan	lẻ
26	000026	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	02	26	5,3	1	Gia	chẵn
27	000027	1101030617	Vũ Khánh	Ly	06/12/2005	QT11B	02	27	7,0	1	Ly	lẻ
28	000028	1101030620	Đỗ Ngọc	Mai	06/06/2005	QT11B	02	28	7,8	1	Ngọc	chẵn
29	000029	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	02	29	7,3	1	Minh	lẻ
30	000030	1101030629	Lường Thị	Mừng	18/01/2004	QT11B	02	30	7,0	1	Mừng	chẵn

lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000031	1101030651	Giáp Thị Thảo	Nguyên	16/07/2005	QT11B	02	31	5,0	1	Nguyên	lẻ
32	000032	1101030666	Nguyễn Xuân	Phong	18/04/2005	QT11B	02	32	8,3	1	Phong	chẵn
33	000033	1101030709	Trần Hoài	Thương	04/11/2005	QT11B	02	33	7,0	1	Thương	lẻ
34	000034	1101031421	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	06/03/2005	QT11B	02	34	8,3	1	Tiên	chẵn
35	000035	1101030728	Nguyễn Kiều	Trinh	03/10/2005	QT11B	02	35	5,3	1	Trinh	lẻ
36	000036	1101031255	Nguyễn Hà	Vy	16/05/2005	QT11B	02	36	8,3	1	Vy	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 36

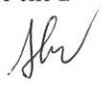
Tổng số tờ giấy thi: 36

Tổng số biên bản: 0

Ngày 24 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2


Luýp T. Dũng


Hoàng Thị Mai